TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2018/DS-PT
Ngày: 18/6/2018
V/v: *Tranh chấp về chia thừa kế*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Bà Hoàng Thị Thu Lan
Các Thẩm phán : Ông Đinh Như Lâm
Bà Trần Thị Liên Anh

- Thư ký phiên toà : Bà Hoàng Thị Thu Hiền – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội :
Bà Bùi Thị Hạnh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 18 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2016/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2016 về việc "Tranh chấp về chia thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2016/DS – ST ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 154/2018/QĐ-PT ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Quyết định hoãn phiên tòa số 135/QĐ-HPT ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Số 441B TL , tổ dân phố 1 phường P, quận H, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Ông Lê Đình H, sinh năm 1944;

Địa chỉ: Số 441A TL, tổ dân phố 1 phường P, quận H, thành phố Hà Nội

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1944;
2. Anh Lê Đình C, sinh năm 1966;
3. Chị Đặng Thị T, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Số 441A TL , tổ dân phố 1 phường P, quận H, thành phố Hà Nội

Bà N, anh C, chị T ủy quyền cho ông Lê Đình H

4. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 146 Mỗ Lao, tổ dân phố 8 phường ML , quận H, thành phố Hà Nội.

5. Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1965;

6. Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: số 137 TĐN , phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

7. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1967;

Địa chỉ: số 96, tổ dân phố 9 phường ML , quận H, thành phố Hà Nội.

8. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1969;

Địa chỉ: số 171 phố QT , phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

9. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1971;

Địa chỉ: số 11 NTN , phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

10. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1974;

Địa chỉ: số 137 TĐN , phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

11. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1946;

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

12. Bà Lê Thị N, sinh năm 1952;

Địa chỉ: số 73, TH, phường N, quận H, thành phố Hà Nội.

13. Bà Lê Thị V, sinh năm 1957;

Địa chỉ: số nhà 06, tổ 2, phường B, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

14. Bà Lê Thị M, sinh năm 1958;

Địa chỉ: tổ dân phố 2, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

15. Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cấn Văn K – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận H

16. Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội .

Chủ tịch UBND huyện T: Ông Nguyễn Hồng Y (*có Văn bản từ chối tham gia tố tụng).*

Người kháng cáo: Bà Lê Thị H - Nguyên đơn

Ông Lê Đình H - Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Cụ Lê Đình T (chết năm 1978) và cụ Đặng Thị H (chết năm 2004) sinh được bảy người con là bà Lê Thị H2 (chết năm 2011), ông Lê Đình H, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị H, bà Lê Thị N, bà Lê Thị V và bà Lê Thị M.

Bà Lê Thị H2 có chồng là ông Nguyễn Văn Đ (chết năm 1987) và sáu người con là Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn L. Anh Nguyễn Văn N (chết năm 2007) có vợ là Trịnh Thị T và một con là Nguyễn Văn Tr.

Sinh thời, cụ Lê Đình T và cụ Đặng Thị H có khối tài sản là nhà, đất tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là tổ dân phố 1, phường P, quận H, thành phố Hà Nội), bao gồm: 05 gian nhà cấp 4 lợp rạ, 03 gian bếp và công trình phụ trên diện tích 865m^2 đất thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 2, TL (nay là tổ dân phố 1), phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Nguồn gốc nhà, đất là của ông cha để lại, khi còn sống hai cụ và các con đều sinh sống tại nhà đất này.

Nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày: Sau khi cụ T chết, các con trưởng thành và có gia đình riêng thì nhà, đất này do cụ H và gia đình ông H quản lý sử dụng. Lúc đó bà H đi công tác xa nhà, nhưng khi được nghỉ thì vẫn về ở chung với cụ H và gia đình ông H.

Năm 1983, ông H sửa nhà 5 gian, xây cao thêm tường nhà và thay mái lợp rạ thành mái ngói; làm lại 03 gian bếp và công trình phụ ra đằng sau nhà; sau đó tiếp tục xây dựng thêm nhà 02 tầng kiên cố như hiện nay.

Do bà H không có chồng, con nên năm 1991, được sự nhất trí của mọi người trong gia đình, bà H xây dựng một gian nhà cấp 4, bếp, công trình phụ trên một phần thửa đất (không có ranh giới riêng), bà H mở lối đi riêng ra ngõ xóm và sống riêng tại đó từ năm 1992 đến nay. Cụ H ở cùng bà H tại gian nhà này khoảng 02 năm thì chuyển lên sống cùng gia đình ông H. Sau khi cụ H chết, bà H và gia đình ông H vẫn sinh sống trên thửa đất của bố mẹ cho đến nay.

Toàn bộ thửa đất trên do ông Lê Đình H đứng tên trong sổ mục kê và làm nghĩa vụ với nhà nước. Khoảng năm 2002, Ủy ban nhân dân huyện T có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Lê Đình H tiến hành kê khai, làm thủ tục. Do trên đất lúc đó còn có cụ H, bà H đang sinh sống là một hộ riêng và hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa có chữ ký của bà H nên hộ ông Lê Đình H chưa đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, sau này khi xảy ra tranh chấp thì bà H mới biết hộ gia đình ông Lê Đình H đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất. Do cụ Lê Đình T và cụ Đặng Thị H chết đều không để lại di chúc nên bà H có đơn yêu cầu được chia thừa kế

một phần đất để ở, Ủy ban nhân dân phường P đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả.

Ngày 24/10/2011 bà H có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Lê Đình T và Đặng Thị H là thửa số 93, tờ bản đồ số 2, diện tích 865m^2 đất tại địa chỉ: TL (nay là tổ dân phố 1), phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Bị đơn là ông Lê Đình H trình bày: Theo tập quán địa phương và truyền thống gia đình thì sau khi cụ Lê Đình T chết, cụ Đặng Thị H đã chuyển giao toàn bộ quyền sử dụng thửa đất này cho ông để thờ cúng. Ông đã sử dụng thửa đất này từ năm 1978 đến nay là hợp pháp, đúng mục đích. Năm 1983, ông sửa nhà 5 gian, xây cao thêm tường nhà và thay mái lợp rạ thành mái ngói; làm lại 03 gian bếp và công trình phụ. Ủy ban nhân dân xã Phú Lãm đã ghi tên ông là chủ sử dụng thửa đất vào sổ mục kê và trích lục bản đồ năm 1996. Quá trình sử dụng đất, ông đã nộp đầy đủ thuế cho nhà nước; khi 05 hộ liền kề yêu cầu ký xác nhận mốc giới ông cũng đều ký nên không tranh chấp với ai.

Năm 2002, Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hà Tây đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 005564 ngày 6/9/2002 theo Quyết định số 725-QĐ/UB ngày 6/9/2002 cho hộ gia đình ông, do ông đứng tên, vì thế toàn bộ thửa đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ H không có tên trong sổ hộ khẩu gia đình ông nên cụ H không có phần trong thửa đất này.

Khi còn sống và cho đến khi chết, cụ H chỉ cho bà H xây nhà ở trên đất chứ không cho đất, vì thế năm 2010 ông đã làm văn bản thỏa thuận ngày 28/10/2010 đồng ý cho bà H được ở trên thửa đất đến hết đời, nhưng không được làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng; khi bà H chết thì phải trả lại đất cho gia đình ông. Ông H đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà H và đề nghị Tòa án chấp nhận Văn bản thỏa thuận ngày 28/10/2010.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác nhận nguồn gốc nhà, đất đang tranh chấp là di sản của cụ Lê Đình T và Đặng Thị H để lại, khi hai cụ chết đều không để lại di chúc.

- Bà Lê Thị H1, anh Nguyễn Văn L không yêu cầu được hưởng thừa kế và đề nghị chia thừa kế cho bà H có chỗ ở theo pháp luật.

- Bà Lê Thị N và Lê Thị V không yêu cầu được hưởng thừa kế và đề nghị giải quyết theo pháp luật.

- Bà Lê Thị M, chị Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Thanh H, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị N, chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn Tr tự nguyện nhường lại kỷ phần được hưởng cho ông Lê Đình H.

- Đối với bà Phạm Thị N, anh Lê Đình C, chị Đặng Thị T, Tòa án không lấy được lời khai do những người này không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Ngày 26/6/2015, bà Phạm Thị N, anh Lê Đình C, chị Đặng Thị T có đơn xin vắng mặt và ủy quyền cho ông Lê Đình H tham gia phiên tòa và định đoạt các công việc mà Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản xác minh ngày 08/5/2013 và ngày 13/11/2013, Ủy ban nhân dân phường P cung cấp: nguồn gốc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 2, tổ dân phố 1, phường P, quận H, thành phố Hà Nội là của ông cha để lại. Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1996 đứng tên ông Lê Đình H gồm 200m^2 đất thổ cư và 665m^2 đất vườn tạp, nhưng thực chất toàn bộ diện tích 865m^2 là đất thổ cư và hiện nay được xác định là đất thổ cư. Năm 2002, hộ gia đình ông Lê Đình H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi làm thủ tục có thiết lập hồ sơ theo quy định, tuy nhiên đến nay hồ sơ đã bị thất lạc. Ủy ban nhân dân phường P đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H mặc dù bà H vẫn đang tranh chấp. Hiện tại, Ủy ban nhân dân phường chỉ còn lưu trữ bản đồ năm 1986, bản đồ và sổ mục kê năm 1996 để theo dõi, quản lý.

- Theo công văn số 780/UBND-TNMT ngày 04/8/2015 và các tài liệu của Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội cung cấp thì toàn bộ hồ sơ địa chính và các hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn phường P đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân quận H từ năm 2004.

- Theo công văn số 505/TNMT ngày 12/6/2015 của phòng Tài nguyên và Môi trường quận H thì hồ sơ quản lý nhà nước về thửa đất đang tranh chấp phòng Tài nguyên và Môi trường quận H nhận bàn giao từ phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T chỉ có bản đồ đo đạc và sổ mục kê năm 1996, không có hồ sơ cá nhân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Đình H. Ngoài ra còn nhận bàn giao 01 quyết định số 725-QĐ/UB ngày 6/9/2002 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ sử dụng đủ điều kiện xã Phú Lãm, số giấy chứng nhận 80 tờ (vào sổ cấp giấy chứng nhận từ số 01133 đến số 01213) nhưng không có hồ sơ và bản danh sách kèm theo.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2016/DS – ST ngày 22 tháng 01 năm 2016 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2016/TB-TA ngày 01/02/2016 của Tòa án nhân dân quận H đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Lê Thị H. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của bà Lê Thị H đối với phần di sản của cụ Đặng Thị H.

- Chia cho bà Lê Thị H được quyền sử dụng 88,9m^2 đất là di sản thừa kế của cụ Đặng Thị H tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 2, thôn T (nay là tổ dân phố 1), phường P, quận H, thành phố Hà Nội có trị giá 977.900.000 đồng.

Phần đất chia cho bà H có các cạnh có số đo như sau: phía Bắc giáp đất nhà ông Lê Đình H có chiều dài các cạnh là 8,53m và 5,45m; phía Đông giáp ngõ đi nhà ông Lê Đình H và giáp Ao có các cạnh dài 5,75m và 2,84m; phía Nam giáp ngõ đi chung của xóm có chiều dài 14,23m; phía Tây giáp đất nhà ông Lê Đình H có chiều dài 7,87m (có sơ đồ kèm theo). Trên đất có nhà, công trình phụ và cây cối của bà H; bà H tự mở ngõ đi riêng ra ngõ chung của xóm.

- Thanh toán công sức cho ông Lê Đình H tổng cộng 121.016.000 đồng trong khối di sản của cụ Đặng Thị H.

- Chia cho ông Lê Đình H được quyền sử dụng 343,6m^2 đất còn lại và ½ nhà 5 gian là di sản thừa kế của cụ Đặng Thị H tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 2, thôn T (nay là tổ dân phố 1), phường P, quận H, thành phố Hà Nội có trị giá 3.779.600.000 đồng. Trên đất có nhà, công trình phụ và cây cối của gia đình ông H.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị H không buộc ông Lê Đình H phải thanh toán tiền chênh lệch kỷ phần cho bà H.

- Ông Lê Đình H tiếp tục được quản lý 432,5m^2 đất và ½ nhà 5 gian là di sản của cụ Lê Đình T tại thửa số 93, tờ bản đồ số 2, thôn T (nay là tổ dân phố 1), phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, việc thi hành bản án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự đã kháng cáo bản án sơ thẩm như sau:

- Bà Lê Thị H kháng cáo ngày 04/2/2016 đề nghị được hưởng thừa kế di sản của mẹ bà theo đúng kỷ phần của bà là 108m^2 đất

- Ông Lê Đình H kháng cáo ngày 02/2/2016 với nội dung: Phần đất bà H đang sử dụng sau này sẽ là mặt trước của nhà thờ tổ, do đó ông chỉ đồng ý cho bà H được ở hết đời tại phần đất bà H đang sử dụng, bà H không được làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng để bán, thừa kế hoặc chuyển nhượng cho người khác, sau khi bà H chết thì phải chuyển lại cho gia đình ông quản lý, sử dụng theo nội dung Bản cam kết, thỏa thuận ngày 28/10/2010. Nếu bà H không chấp nhận thì ông sẽ cho bà H 27m^2 đất (9m x3m) tại phần đất giáp nhà anh Lợi và ngõ số 14.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà Lê Thị H đề nghị được hưởng thừa kế di sản của cụ Đặng Thị H theo đúng kỷ phần của bà là 108m^2 đất tại phần đất bà đang sử dụng, bà H không yêu cầu Tòa án chia thừa kế phần di sản của cụ Lê Đình T

Ông Lê Đình H đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Đình H. Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2016/DS – ST ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội, chia thừa kế cho bà H phần đất hiện bà H đang sử dụng bao gồm cả diện tích phần đất có giọt ranh ngôi nhà của bà H và diện tích phần đất phía trước nhà tạm (giáp ao và ngõ đi nhà ông H).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

Cụ Lê Đình T (chết năm 1978) và cụ Đặng Thị H (chết năm 2004) sinh được bảy người con là bà Lê Thị H2, ông Lê Đình H, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị H, bà Lê Thị N, bà Lê Thị V và bà Lê Thị M.

Bà Lê Thị H2 chết năm 2011, có chồng là ông Nguyễn Văn Đ (chết năm 1987) và sáu người con là Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn L. Anh Nguyễn Văn N chết năm 2007 có vợ là Trịnh Thị Thinh và một con là Nguyễn Văn Tr.

Các đương sự đều thừa nhận Thửa số 93, tờ bản đồ số 2, diện tích 865m^2 đất tại địa chỉ thôn T (nay là tổ dân phố 1), phường P, quận H, thành phố Hà Nội có nguồn gốc là của ông cha để lại cho cụ Lê Đình T và cụ Đặng Thị H,

trên đất có 5 gian nhà cấp 4 lợp rạ, 3 gian bếp, công trình phụ ... Năm 1983, ông H đã sửa lại nhà 5 gian và xây lại 3 gian bếp, công trình phụ. Cụ T và cụ H chết đều không để lại di chúc.

Năm 1992 bà H xây dựng một gian nhà cấp 4, bếp, công trình phụ trên một phần thửa đất nói trên, mở lối đi riêng ra ngõ xóm và sống riêng tại đó từ đó đến nay. Hiện nay bà Lê Thị H và gia đình ông Lê Đình H đang ở tại thửa đất trên.

Thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hà Tây đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 005564 ngày 6/9/2002 đứng tên hộ gia đình ông Lê Đình H.

Theo lời khai của bà Lê Thị H: khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà và cụ Đặng Thị H vẫn đang ở trên đất, nhưng bà không được thông báo và không được ký vào hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Ông Lê Đình H khai được cụ H chuyển giao toàn bộ thửa đất cho ông từ năm 1978 nhưng không có giấy tờ chứng minh.

Thời điểm hộ gia đình ông Lê Đình H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ H và bà H đang ở tại thửa đất trên với gia đình ông H, nhưng không cùng hộ khẩu với gia đình ông H. Ông H cho rằng toàn bộ thửa đất nói trên thuộc quyền sử dụng của gia đình ông với lý do khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ H không có tên trong sổ hộ khẩu của gia đình ông nên cụ H không có phần trong thửa đất này là không có căn cứ.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường P có nội dung: Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1996 thì thửa đất đứng tên ông Lê Đình H. Năm 2002, khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Đình H có thiết lập hồ sơ theo quy định, tuy nhiên đến nay đã bị thất lạc.

Trong biên bản bàn giao giữa phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T với phòng Tài nguyên và Môi trường quận H thể hiện: Thời điểm năm 2002 chỉ có duy nhất một Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ trên địa bàn xã Phú Lãm là Quyết định số 725-QĐ/UB ngày 6/9/2002 của Ủy ban nhân dân huyện T.

Tại Quyết định số 725-QĐ/UB ngày 6/9/2002 của Ủy ban nhân dân huyện T có nội dung cấp 80 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ đủ điều kiện xã Phú Lãm, có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ số 01133 đến 01213, nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Lê Đình H không có số vào sổ nên không có căn cứ xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Lê Đình H được cấp theo Quyết định số 725-QĐ/UB ngày 6/9/2002 của Ủy ban nhân dân huyện T.

Tại công văn số 505/TNMT ngày 12/6/2015 của phòng Tài nguyên và Môi trường quận H thể hiện: Hồ sơ quản lý nhà nước về đất đai nhận bàn giao chỉ có bản đồ và sổ mục kê năm 1996, không có hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử đất cho hộ ông H, đồng thời không có hồ sơ và bản danh sách các hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo quyết định 725-QĐ/UB ngày 6/9/2002 của Ủy ban nhân dân huyện T.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy không đủ căn cứ để xác định hộ ông Lê Đình H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 2, tổ dân phố 1, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Đối với Bản cam kết, thỏa thuận ngày 28/10/2010 do ông H xuất trình có nội dung: Ông H chỉ đồng ý cho bà H được ở hết đời tại phần đất bà H đang sử dụng, bà H không được làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng để bán, thừa kế hoặc chuyển nhượng cho người khác, sau khi bà H chết thì phải chuyển lại cho gia đình ông quản lý, sử dụng. Bản cam kết chỉ có chữ ký của ông H, bà H không chấp nhận bản cam kết trên, do đó không chấp nhận yêu cầu trên của ông H.

Từ những nhận định trên cho thấy Bản án sơ thẩm xác định di sản thừa kế của cụ Lê Đình T và cụ Đặng Thị H là Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 2, diện tích 865m^2 và 5 gian nhà cấp 4 trên đất tại địa chỉ thôn T (nay là tổ dân phố 1), phường P, quận H, thành phố Hà Nội là là có căn cứ. Đối với 5 gian nhà cấp 4 trên thửa đất không tiến hành thẩm định, định giá được là do ông H không cho Hội đồng định giá vào làm việc, bà H không yêu cầu chia thừa kế đối với 5 gian nhà cấp 4 nói trên, do đó cần xác định di sản thừa kế của cụ Lê Đình T và cụ Đặng Thị H là Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 2, diện tích 865m^2 địa chỉ thôn T (nay là tổ dân phố 1), phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Chia tài sản chung vợ chồng cụ Lê Đình T, cụ Đặng Thị H, phần di sản thừa kế của mỗi người là 432,5m^2 đất có giá trị quyền sử dụng đất là:

432,5m^2 đất x 11.000.000 đồng/ m^2 = 4.757.500.000đồng.

* Đối với phần di sản thừa kế của cụ Lê Đình T: Thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, Bộ luật dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật nên phần di sản thừa kế của cụ Lê Đình T đã hết thời hiệu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết đối với phần di sản thừa kế của cụ Lê Đình T là có căn cứ. Nay theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thì phần di sản thừa kế của cụ Lê Đình T vẫn còn thời hiệu khởi kiện.Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần di sản thừa kế của cụ Lê Đình T, do Tòa án không xem xét giải quyết.

* Đối với phần di sản thừa kế của cụ Đặng Thị H: Cụ Đặng Thị H chết năm 2004, không để lại di chúc, do đó thời điểm mở thừa kế của cụ H là năm 2004 và di sản thừa kế của cụ Đặng Thị H được chia theo pháp luật.

Về thanh toán công sức và phân chia di sản thừa kế của cụ Đặng Thị H của bản án sơ thẩm là có căn cứ nên giữ nguyên, cụ thể: Tòa án cấp sơ thẩm thanh toán công sức cho ông H tổng số tiền là 121.016.000 đồng bao gồm các khoản tiền sau: Chi phí mai táng, cải táng cho cụ T, cụ H = 40.000.000 đồng. Chi phí công duy trì tài sản = 20.000.000 đồng. Tiền thuế sử dụng đất và các nghĩa khác đối với nhà nước = 61.016.000 đồng

Vì vậy, di sản thừa kế của cụ H còn lại để chia thừa kế có giá trị là:

4.757.500.000 đồng - 121.016.000 đồng = 4.636.484.000 đồng

- Hàng thừa kế thứ nhất của cụ H có 7 người con là bà Lê Thị H2 (chết năm 2011), ông Lê Đình H, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị H, bà Lê Thị N, bà Lê Thị V và bà Lê Thị M.

Các bà Lê Thị H1, Lê Thị N, Lê Thị V tự nguyện không yêu cầu hưởng di sản. Các thừa kế của bà Lê Thị H2 và bà Lê Thị M tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế của họ cho ông H. Do đó bà H được hưởng 1/4 di sản thừa kế có giá trị là 1.159.121.000 đồng, ông H được hưởng 3/4 di sản thừa kế có giá trị là 3.477.363.000 đồng.

Tổng trị phần tài sản ông H được hưởng là :

3.477.363.000đồng + 121.016.000đồng (công sức) = 3.598.379.000đồng

* Về chia hiện vật: Bản án sơ thẩm chia hiện vật cho các đương sự theo hướng giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất hiện nay của các đương sự là có căn cứ, tuy nhiên có sự sai sót về diện tích, kích thước phần đất chia cho mỗi bên đương sự. Cụ thể:

Theo Biên bản xem xét, thẩm định nhà đất do Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành ngày 17/5/2018 cho thấy: Hiện trạng sử dụng đất của hai bên đương sự từ khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thẩm định, định giá ngày 27/3/2014 cho đến nay không có thay đổi gì. Bà H, ông H có lối đi riêng ra ngõ đi chung.

Các đương sự cùng xác nhận: Theo sơ đồ phân chia đất kèm theo án sơ thẩm thì bà H được chia sử dụng diện tích 88,9m^2 đất, không có diện tích phần đất có giọt ranh ngôi nhà của bà H giáp với phần đất ông H sử dụng (phía sau nhà rộng 40cm, bên cạnh nhà rộng 20cm), không có diện tích phần đất phía trước nhà tạm (giáp ao và ngõ đi nhà ông H) hiện bà H đang sử dụng, trên có cây cối của bà H. Phần đất bà H đang sử dụng thực tế có diện tích là 105m^2 đất, không phải là 88,9m^2 đất như sơ đồ phân chia đất kèm theo bản án sơ thẩm. Do đó Sửa án sơ thẩm về chia hiện vật như sau: (có sơ đồ kèm theo)

- Chia cho bà Lê Thị H được quyền sử dụng phần đất bà H đang sử dụng có diện tích là 105m^2 tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 2, thôn T (nay là tổ dân phố 1), phường P, quận H, thành phố Hà Nội có giá trị quyền sử dụng đất là 1.155.000.000đồng. So với phần giá trị tài sản được hưởng là 1.159.121.000đồng, thì thiếu 4.121.000đồng.

Phần đất chia cho bà H có các cạnh có số đo như sau: Cạnh giáp sân, vườn nhà ông Lê Đình H có chiều dài các cạnh là 8,07m và 9,3m; Cạnh giáp Ao có chiều dài các cạnh là 3,44m và 5,78m; Cạnh giáp ngõ đi nhà ông Lê Đình H dài 4,84m; Cạnh giáp ngõ đi chung của xóm có chiều dài 14,23m.Trên đất có nhà, công trình phụ và cây cối của bà H, có lối đi riêng ra ngõ chung của xóm.

- Chia cho ông Lê Đình H được quyền sử dụng 327,5m^2 đất tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 2, thôn T (nay là tổ dân phố 1), phường P, quận H, thành phố Hà Nội có trị giá trị quyền sử dụng đất 3.602.500.000đồng. Trên đất có nhà, công trình phụ và cây cối của gia đình ông H. So với phần giá trị tài sản ông H được hưởng là 3.598.379.000đồng, thì thừa 4.121.000đồng.

Bà Lê Thị H không yêu cầu ông Lê Đình H phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản, nên ghi nhận tự nguyện trên của bà H.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Đình H. Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2016/DS – ST ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội về chia hiện vật và cách tuyên án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí : Áp dụng Điều 27, 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án

- Bà Lê Thị H, ông Lê Đình H phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần tài sản được chia. Bà H, ông H có hoàn cảnh khó khăn, đơn xin miễn giảm án phí của bà H, ông H có xác nhận của UBND phường P, do đó giảm 1/2 án phí cho bà H và ông H.

Bà Lê Thị H phải chịu 23.386.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Đình H phải chịu 50.774.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 631; 633, 634,635, 642; 645, 674, 675, 676, 683, 685, 733 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27, 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Đình H.
- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2016/DS – ST ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau.

I. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

1. Xác định Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 2, diện tích 865m^2 tổ dân phố 1, phường P, quận H, thành phố Hà Nội là di sản thừa kế của cụ Lê Đình T và cụ Đặng Thị H.

Chia tài sản chung vợ chồng cụ Lê Đình T, cụ Đặng Thị H, phần di sản thừa kế của mỗi người là 432,5m^2 đất có giá trị quyền sử dụng đất là 4.757.500.000đồng .

2. Không xem xét giải quyết đối với phần di sản thừa kế của cụ Lê Đình T do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Đặng Thị H là năm 2004, di sản thừa kế của cụ Đặng Thị H được chia theo pháp luật.

- Thanh toán công sức cho ông Lê Đình H số tiền là 121.016.000đồng, di sản thừa kế của cụ H còn lại để chia thừa kế có giá trị là 4.636.484.000đồng.

- Ghi nhận tự nguyện của bà Lê Thị H1, bà Lê Thị N, bà Lê Thị V không yêu cầu được hưởng thừa kế di sản của cụ Đặng Thị H.

- Ghi nhận tự nguyện của các thừa kế của bà Lê Thị H2, tự nguyện của bà Lê Thị M nhường lại kỷ phần được hưởng cho ông Lê Đình H.

- Phần di sản thừa kế của bà Lê Thị H có giá trị là 1.159.121.000đồng (Một tỷ, một trăm năm mươi chín triệu, một trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

- Phần di sản thừa kế của ông Lê Đình H có giá trị là 3.477.363.000đồng (Ba tỷ, bốn trăm bẩy mươi bẩy triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Tổng trị phần tài sản ông H được hưởng là 3.598.379.000đồng (Ba tỷ, năm trăm chín mươi tám triệu, ba trăm bẩy mươi chín nghìn đồng).

4. Về chia hiện vật: (có sơ đồ kèm theo)

- Chia cho bà Lê Thị H được quyền sử dụng phần đất bà H đang sử dụng có diện tích là 105m^2 tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 2, thôn T (nay là tổ dân phố 1), phường P, quận H, thành phố Hà Nội có giá trị quyền sử dụng đất là 1.155.000.000đồng (Một tỷ, một trăm năm mươi lăm triệu đồng). So với phần giá trị tài sản được hưởng là 1.159.121.000đồng, thì thiếu 4.121.000đồng.

Phần đất chia cho bà H có các cạnh có số đo như sau: Cạnh giáp sân, vườn nhà ông Lê Đình H có chiều dài các cạnh là 8,07m và 9,3m; Cạnh giáp Ao có chiều dài các cạnh là 3,44m và 5,78m; Cạnh giáp ngõ đi nhà ông Lê Đình H dài 4,84m; Cạnh giáp ngõ đi chung của xóm có chiều dài 14,23m.Trên đất có nhà, công trình phụ và cây cối của bà H, có lối đi riêng ra ngõ chung của xóm.

- Chia cho ông Lê Đình H được quyền sử dụng 327,5m^2 đất tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 2, thôn T (nay là tổ dân phố 1), phường P, quận H, thành phố Hà Nội có trị giá trị quyền sử dụng đất 3.602.500.000đồng (Ba tỷ, sáu trăm linh hai triệu, năm trăm nghìn đồng). So với phần giá trị tài sản ông H được hưởng là 3.598.379.000đồng, thì thừa 4.121.000đồng. Trên đất có nhà, công trình phụ và cây cối của gia đình ông H.

- Ghi nhận tự nguyện của bà Lê Thị H không yêu cầu ông Lê Đình H phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

II. Về án phí:

Bà Lê Thị H phải chịu 23.386.800đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 500.000đồng theo Biên lai thu tiền số 0000499 ngày 05/01/2012 và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 200.000đồng theo Biên lai thu tiền số 0002269 ngày 04/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội, bà H còn phải nộp tiếp 22.686.800đồng (Hai mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Đình H phải chịu 50.774.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ tiền tạm ứng án phí phí phúc thẩm đã nộp là 200.000đồng theo Biên lai thu tiền số 0002271 ngày 18/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội, ông H còn phải nộp tiếp 50.574.000đồng (Năm mươi triệu, năm trăm bẩy mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Nơi nhận :

- *VKSND TP.Hà Nội;*
- *TAND quận H;*
- *Chi cục THADS quận H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Thị Thu Lan

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà